

Số: 21/PT-2018

V/v: Giải trình LNST kết quả kinh doanh lũy kế đến cuối quý II/2018 so với Bán niên soát xét 6 tháng năm 2018 tăng giảm từ 5 % trở lên.

TP. HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Cổ phiếu:
Mã cổ phiếu:
Địa chỉ:
Mã số thuế:
Người đại diện:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH
PTD
2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
0302365984
Ông TÔ KHÁI ĐẠT Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2016 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình Giải trình LNST kết quả kinh doanh lũy kế đến cuối quý II/2018 so với Bán niên soát xét 6 tháng năm 2018 tăng giảm từ 5% trở lên

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh Giải trình LNST kết quả kinh doanh lũy kế đến cuối quý II/2018 so với Bán niên soát xét 6 tháng năm 2018 tăng giảm từ 5% trở lên

CHỈ TIÊU	Mã số	HỢP NHẤT			
		Bán niên soát xét	Lũy kế đến cuối Quý II	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	45.358.982.471	45.206.077.888	152.904.583	0%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	45.358.982.471	45.206.077.888	152.904.583	0%
(10 = 01 - 02)					
4. Giá vốn hàng bán	11	37.997.311.004	38.029.420.775	(32.109.771)	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	7.361.671.467	7.176.657.113	185.014.354	3%
(20 = 10 - 11)					
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	251.925.501	277.900.330	(25.974.829)	
7. Chi phí tài chính	22	2.452.088.489	2.452.088.489	-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.452.088.489	2.452.088.489	-	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	(1.377.510.696)	-	(1.377.510.696)	
9. Chi phí bán hàng	25	532.485.000	532.485.000	-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.822.913.533	10.836.391.065	(13.477.532)	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(7.571.400.750)	(6.366.407.111)	(1.204.993.639)	19%
(30 = 20 + 24 + (21-22) - (25+26))					
12. Thu nhập khác	31	7.166.580	7.157.895	8.685	
13. Chi phí khác	32	1.756.839.884	1.756.839.884	-	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(1.749.673.304)	(1.749.681.989)	8.685	0%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(9.321.074.054)	(8.116.089.100)	(1.204.984.954)	15%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	106.155.069	106.649.660	(494.591)	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(9.427.229.123)	(8.222.738.760)	(1.204.490.363)	15%
(60 = 50 - 51 - 52)					



BCTC HỢP NHẤT

Số liệu, Kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo KQHĐKD trong BCTC quý II/2018 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét năm 2018 có sự chênh lệch 15% là do Quý I và II/2018 PTD không trích phần lỗ của Công ty liên kết Bồi Long và để đến Bán niên soát xét mới trích phần lỗ của Công ty liên kết Bồi Long vào nên xảy ra chênh lệch LNST.

Trân Trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. Kế toán

